

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ VHT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ VHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VHT INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VHT INTERNATIONAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110313950

3. Ngày thành lập: 07/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô N5 – 2 Cụm sản xuất làng nghề tập trung, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983669988

Fax:

Email: info@vhtmanpower.com.vn

Website: vhtmanpower.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4511
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá);	4543
11.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ đầu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: - Bán buôn gạo	4631

14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: - Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
23.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm Chi tiết: - Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0132
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục nghề nghiệp - Dạy ngoại ngữ (Điều 37, 48 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; Khoản 18, 48 Điều 1, Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP)	8559
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
31.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
33.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
34.	Quảng cáo	7310
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)	7320
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	In ấn	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
47.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm đúc vàng miếng)	2432
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
49.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5510
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
59.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ việc làm cho người lao động, hỗ trợ lao động cho doanh nghiệp (trừ hoạt động cho thuê lao động)	7810
60.	Cung ứng lao động tạm thời (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7820
61.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật) - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Theo Điều 8 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020) (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	7830(Chính)
62.	Đại lý du lịch	7911
63.	Điều hành tua du lịch	7912
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công ích	4229
66.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
67.	Phá dỡ	4311
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM MẠNH HÀ	Tổ 1 Bàng A, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	136.000	1.360.000.000	20,000	0330820019 44	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	136.000	1.360.000.000	20,000		
2	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	25B Ngách 61/17 PC Kiên, Tổ 23, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	0010600127 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000		

3	NGUYỄN ĐÌNH HIỀN	28/189 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	038072050489
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000	
4	NGUYỄN VĂN XUÂN	Thôn Quan Tự, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	30,000	001072014034
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	30,000	
5	LÊ NA	201 E8, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	030171023603
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000	

6	VŨ THỊ PHƯỢNG	PC4 – T15 – CC 335 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	136.000	1.360.000.000	20,000	0361720003 45
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	136.000	1.360.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038072050489

Ngày cấp: 02/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 28/189 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 28/189 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội